

Bản án số: **220/2020/HSST**

Ngày: **11 - 9 - 2020**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Đình Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Nguyễn Đức Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 229/2020/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2020/QĐ – HSST ngày 31/8/2020 đối với bị cáo:

BÙI THỊ H - Sinh ngày: 28/8/1985; HKTT và chỗ ở: tổ 9, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Bùi Quang T (Chết); Con bà: Nguyễn Thị K; Chồng: Nguyễn Minh T (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2004; TATS: Theo lý lịch địa phương cung cấp và danh chỉ bản số 303 lập ngày 08/4/2019 và danh chỉ bản số 405 lập ngày 11/6/2020 tại Công an quận Long Biên xác định bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/9/2018 đến ngày 10/9/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, sau đó bị cáo bỏ trốn. Ngày 10/6/2020, bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

- Đại diện theo hợp pháp của bị cáo: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1955 (Mẹ đẻ của bị cáo)

HKTT: tổ 9 phường Ngọc Hà, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. *(Có đơn*

xin xét xử vắng mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đỗ Thị H – Văn phòng luật sư Bảo Nhân Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đặng Thị D, sinh năm 1990.

HKTT: xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h00' ngày 07/9/2018, sau khi nhận được tin báo tố giác của quần chúng nhân dân về việc có các đối tượng hoạt động mại dâm tại khách sạn H-N, địa chỉ: phường Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội. Đội Cảnh sát hình sự - Công an quận Long Biên đã phối hợp với Công an phường Ngọc Lâm tiến hành kiểm tra hành chính tại các phòng 203 và 204 của khách sạn trên. Quá trình kiểm tra đã phát hiện: Tại phòng 203 có Nguyễn Tiến H (Sinh năm: 1990; HKTT: phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội) và Bùi Thị H (Sinh năm: 1985; HKTT: tổ 9, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang); Tại phòng 204 có Đỗ Tiến T (Sinh năm: 1977; HKTT: xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên) và Đặng Thị D (Sinh năm: 1990; HKTT: xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, Tuyên Quang) đang thực hiện hành vi mua bán dâm. Tang vật thu giữ gồm:

- 01 điện thoại Nokia 112 màu đen đã qua sử dụng và số tiền 1.200.000 đồng (thu giữ của Bùi Thị H).

- 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng đã qua sử dụng; 01 bao cao su đã qua sử dụng và số tiền 1.250.000 đồng (thu giữ của Đặng Thị D).

Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản và đưa các đối tượng trên cùng tang vật về trụ sở để làm rõ.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận:

Khoảng 17h ngày 07/9/2018, Bùi Thị H đang ở bệnh viện Bạch Mai thì nhận được điện thoại của Nguyễn Tiến H. Hải đặt vấn đề có bạn của H ở Hải Phòng lên chơi và muốn mua dâm của H. Do đã từng bán dâm cho H 01 lần trước nên H đồng ý và thống nhất với H đến khách sạn H-N để mua bán dâm. Trước đó đối tượng H và T có đi uống rượu và rủ nhau góp mỗi người 1.000.000 đồng để cùng nhau mua dâm. T đưa cho H 1.000.000 đồng. H gọi điện cho H để

mua dâm. Sau khi H đồng ý thì H và T đến khách sạn H-N, địa chỉ: phường Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội thuê phòng 203 và 204 để đợi H. Khi H vào phòng 203 gặp H và T. Tại đây H và H thống nhất giá bán dâm của H là 1.000.000 đồng. Do có 2 người muốn mua dâm nên H nhờ H gọi thêm một gái bán dâm khác đến để cùng H bán dâm cho T và H, H đồng ý rồi lấy điện thoại của mình có số sim 0979375*** để gọi cho Đặng Thị D (tức Thùy L) có số điện thoại là 0987265*** (cũng là gái bán dâm) đến để D bán dâm, D đồng ý. Khi thấy D đã đến phòng 203 thì H và T đồng ý mua dâm của H và D. H đưa cho H 2.000.000 đồng là tiền mua dâm của H và D. Ngoài ra H còn cho thêm H 200.000 đồng để H đi xe taxi. H cầm tiền xong thì đưa cho D 1.000.000 đồng là tiền bán dâm của D. Sau khi nhận tiền, H ở lại phòng 203 để bán dâm cho H, còn D sang phòng 204 để bán dâm cho T. Đến khoảng 22h cùng ngày các đối tượng đã bị Cơ quan công an kiểm tra phát hiện lập biên bản và đưa về trụ sở để giải quyết.

Ngày 08/9/2018 Bùi Thị H đã bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về hành vi Môi giới mại dâm.

Ngày 10/9/2018 Cơ quan CSĐT – Công an quận Long Biên đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Bùi Thị H về tội Môi giới mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự, đồng thời ra Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bùi Thị H.

Quá trình điều tra, gia đình bị can đã cung cấp bệnh án tâm thần cùng Quyết định về việc trợ cấp đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của Bùi Thị H. Ngày 17/10/2018 Cơ quan CSĐT – Công an quận Long Biên đã ra Quyết định trưng cầu giám định để xác định tình trạng tâm thần của bị can.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 60/KLGD ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Viện pháp y tâm thần T ương – Bộ y tế kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Bùi Thị H bị rối loạn khí sắc (cảm xúc thực tổn). Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.3. Bị can đủ khả năng nhận thức, hạn chế điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, truy tố, bị can Bùi Thị H nhiều lần bỏ trốn khỏi địa phương nên bị truy nã, đến ngày 10/6/2020, bị can bị bắt theo Quyết định truy nã số 20 ngày 30/5/2019. Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án, quyết định phục hồi điều tra bị can và trả hồ sơ vụ

án cho cơ quan CSĐT – Công an quận Long Biên để xác định về nhân thân bị can trong thời gian bỏ trốn.

Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Tiến H, Đỗ Tiến T và hành vi bán dâm của Bùi Thị H và Đặng Thị D: Công an quận Long Biên đã ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định 167/2013 ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với chủ khách sạn H-N là ông Nguyễn Anh C, sinh năm 1970 – giám đốc công ty TNHH N-H, quá trình điều tra ông C khai đã giao trách nhiệm quản lý các phòng cho nhân viên ca trực. Việc các đối tượng có hoạt động mại dâm trong phòng nghỉ ông C không biết và không cho phép. Anh Nông Văn D là nhân viên ca trực khai: Khi phát hiện khách thuê phòng là các đối tượng trên có biểu hiện hoạt động mại dâm, anh D đã báo tin tố giác với cơ quan công an. Do vậy cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với ông C và anh D.

Đối với 02 điện thoại và số tiền 2.450.000 tạm giữ của H và D, kết quả điều tra xác định: 02 điện thoại và số tiền 2.200.000 đồng là công cụ, phương tiện các đối tượng dùng vào việc vi phạm pháp luật. còn lại 250.000 đồng là tiền của D không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật. Chuyển toàn bộ số tang tài vật trên đến Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên đợi quyết định của Tòa án.

Tại phiên tòa bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố.

Bản cáo trạng số: 223/CT-VKS ngày 12/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Bùi Thị H về tội: **“Môi giới mại dâm”** theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: Hành vi của bị cáo **Bùi Thị H** đã đủ yếu tố cấu thành tội Môi giới mại dâm theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt đề nghị:

Căn cứ khoản 1 điều 328 ; điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015

Đề nghị xử phạt bị cáo **Bùi Thị H** từ **08 (Tám) đến 10 (Mười)** tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Đề nghị cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia 112 màu đen đã qua sử dụng và số tiền 1.200.000 đồng (thu giữ của Bùi Thị H) sử dụng trong việc phạm tội.

- Đề nghị cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng đã qua sử dụng; (thu giữ của Đặng Thị D) sử dụng để liên lạc trong việc mua, bán dâm. Số tiền 1.250.000 đồng thu của D, trong đó có 1.000.000 đồng là tiền mua, bán dâm cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước, còn 250.000 đồng cho thi hành trả lại chị D vì không liên quan đến tội phạm.

- Đề nghị cho tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Trong phần tranh luận nhất trí về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo là người bị bệnh tâm thần, hạn chế điều khiển hành vi, bị suy giảm khả năng lao động 81%, bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học, gia đình bị cáo thuộc hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị HĐXX để bị cáo được hưởng khung hình phạt thấp hơn so với Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo nhất trí với bào chữa của luật sư, không còn bổ sung gì trong phần tranh luận.

Viện kiểm sát trong phần tranh luận đối đáp với luật sư bào chữa cho bị cáo H đề nghị để mức hình phạt thấp hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát. Đối với hình phạt của bị cáo H Viện kiểm sát đề nghị đã xem xét đến tất cả các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo nên Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo H và không có căn cứ để chấp nhận theo đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo.

Nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là sai, vi phạm pháp luật. Mong HĐXX cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 07/9/2018, tại khách sạn H-N địa chỉ: phường Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội, bị cáo Bùi Thị H đã có hành vi môi giới để Đặng Thị D bán dâm cho Đỗ Tiến T, hưởng lợi 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Khi Đặng Thị D và Đỗ Tiến T đang thực hiện hành vi giao cấu mua bán dâm thì công an kiểm tra phát hiện bắt giữ.

[3] Hành vi của bị cáo **Bùi Thị H** đã cấu thành tội Môi giới mại dâm. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 328 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội: **“Môi giới mại dâm”** theo Khoản 1 Điều 328 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đến đạo đức xã hội, nếp sống văn minh xã hội, sức khỏe người khác và là nguyên nhân lan truyền các bệnh nguy hiểm cho nhiều người được bộ luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Về tình tiết tăng nặng TNHS đối với bị cáo: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo: Khi lượng hình HĐXX cũng xem xét: tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người bị bệnh tâm thần, hạn chế điều khiển hành vi; bản thân bị cáo là người bị suy giảm khả năng lao động 81% được hưởng trợ cấp hàng tháng; bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng và bị nhiễm chất độc hóa học; gia đình bị cáo

thuộc hoàn cảnh khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo H đã nhiều lần bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng, đã 02 lần bị truy nã và bị bắt theo quyết định truy nã. Xét về tính chất và mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện thấy cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề mức án ở mức khởi điểm của khung hình phạt thấp hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm và thu nhập nên không áp dụng.

Đại diện VKS đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia 112 màu đen đã qua sử dụng và số tiền 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) (thu giữ của Bùi Thị H) sử dụng vào việc phạm tội.

- Cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng đã qua sử dụng; (thu giữ của Đặng Thị D) sử dụng để liên lạc trong việc mua, bán dâm. Số tiền 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) thu của D, trong đó có 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) là tiền mua, bán dâm cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước, còn 250.000 đồng (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*) cho thi hành trả lại chị D vì không liên quan đến tội phạm.

- Cho tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý về vật chứng phù hợp với nhận định của HĐXX.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Tiến H, Đỗ Tiến T và hành vi bán dâm của Bùi Thị H và Đặng Thị D: Công an quận Long Biên đã ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định 167/2013 ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với chủ khách sạn H-N là ông Nguyễn Anh C, sinh năm 1970 – giám đốc công ty TNHH N-H, quá trình điều tra ông C khai đã giao trách nhiệm quản lý các phòng cho nhân viên ca trực. Việc các đối tượng có hoạt động mại dâm trong phòng nghỉ ông C không biết và không cho phép. Anh Nông Văn D là nhân viên ca trực khai: Khi phát hiện khách thuê phòng là các đối tượng trên có biểu hiện hoạt động mại dâm, anh D đã báo tin tố giác với cơ quan công an. Do vậy cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với ông C và anh D là có căn cứ.

[8] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 điều 328 ; điểm i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị H phạm tội “Môi giới mại dâm”

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị H 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/9/2018 đến ngày 10/9/2018.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

- Cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia 112 màu đen đã qua sử dụng và số tiền 1.200.000 đồng (thu giữ của Bùi Thị H) sử dụng vào việc phạm tội.

- Cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng đã qua sử dụng; (thu giữ của Đặng Thị D) được sử dụng để liên lạc trong việc mua, bán dâm. Số tiền 1.250.000 đồng thu của D, trong đó có 1.000.000 đồng là tiền mua, bán dâm cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước, còn 250.000 đồng cho thi hành trả lại chị D vì không liên quan đến tội phạm.

- Cho tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng.

(Tang vật trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/8/2020 và giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 13/8/2020)

3. Án phí : Căn cứ Điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo và luật sư bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- TANDTP.Hà Nội;
- VKSNDTP.Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THA. DS quận Long Biên;
- Cơ quan THA.HS quận Long Biên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Đình Hùng